TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 9 - 2025
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Ông Tống Văn Tâm.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lềnh Khâm Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hoàng O, sinh năm 1982; CCCD số: 089182006783; địa chỉ thường trú: Số nhà B, tổ B, khóm V, xã V, tỉnh An Giang; tạm trú: Nhà trọ T1, tổ C, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thiện N, sinh năm 1973; CCCD số: 089073010653; địa chỉ thường trú: Số nhà B, tổ B, khóm V, xã V, tỉnh An Giang; tạm trú: Nhà trọ T1, tổ C, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Hoàng O trình bày:

Bà Phạm Thị Hoàng O và ông Trần Thiện N tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 2007 và được hai gia đình đồng ý làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 231 ngày 12/8/2010. Từ khi chung sống với nhau, ông N là người không có tính cầu tiến, không biết tính toán lo toan cho gia đình, vợ con,

trong nhà chỉ có bà O chăm lo mọi việc từ con cái, kinh tế gia đình. Ông N cố chấp, không tiếp thu lời khuyên bảo gì của ai mà còn có tính ghen tuông vô cơ đánh đập bà O nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lớn tiếng, không có tiếng nói chung không còn chăm sóc, quan tâm gì nhau dẫn đến hiện nay vợ chồng không hạnh phúc. Bà O xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Thiện N.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung tên Trần Thị Yến N1, sinh ngày 12/8/2008; Trần Phi L, sinh ngày 28/7/2010; Trần Phương T, sinh ngày 10/8/2012; Trần Thanh N2, sinh ngày 05/01/2017. Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trần Thị Yến N1 và Trần Phương T. Tự nguyện giao cho ông Trần Thiện N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trần Thanh N2 và Trần Phi L. Bà O không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, bà O kinh doanh bán hàng đa cấp Công ty TNHH MTV H thu nhập hàng tháng khoảng 11 triệu đồng và còn kinh doanh bán hàng online Công ty TNHH D thu nhập hàng tháng khoảng 10 triệu đồng, tổng thu nhập hàng tháng khoảng hơn 20 triệu đồng. Vì vậy, bà O xác định đủ điều kiện để chăm sóc con cái và từ trước đến nay con chủ yếu là do bà O chăm sóc. Ông N từ trước nay chỉ ở nhà bán hàng tạp hóa do vợ chồng mở và vá xe máy thu nhập của ông N hàng tháng khoảng 10 triệu đồng và nấu cơm nước cho các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Thiện N trình bày:

Bà Phạm Thị Hoàng O và ông Trần Thiện N tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 2007 và được hai gia đình đồng ý làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 231 ngày 12/8/2010. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, khoảng 03 tháng nay hai vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn với nhau nên cãi vã lớn tiếng. Ông N xác định chỉ có 03 lần đánh bà O, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà O có quan hệ với người khác bên ngoài, dẫn đến hai vợ chồng mâu thuẫn cãi vã. Nhưng ông N vẫn còn rất thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn với bà O.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Trần Thị Yến N1, sinh ngày 12/8/2008; Trần Phi L, sinh ngày 28/7/2010; Trần Phương T, sinh ngày 10/8/2012; Trần Thanh N2, sinh ngày 05/01/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 04 con chung. Ông N không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, ông N bán hàng tạp hóa của gia đình và vá, rửa xe honda thu nhập hàng tháng dao động từ 7 đến 10 triệu đồng. Ông N xác định đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 04 con. Vì từ trước đến nay các con do ông N trực tiếp chăm sóc từ việc học hành, ăn uống.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hoàng O khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Trần Thiện N có nơi cư trú địa chỉ: Nhà T, tổ C, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hoàng O và ông Trần Thiện N tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 231 ngày 12/8/2010. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Phạm Thị Hoàng O và ông Trần Thiện N trình bày thừa nhận, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên lớn tiếng cãi vã với nhau. Ông N xác định vợ chồng có mẫu thuẫn do bà O có quan hệ với người khác bên ngoài và ông N có 03 lần đánh đập bà O. Bà O xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, ông N là người không có tính cầu tiến, không biết tính toán lo toan cho gia đình, vợ con, trong gia đình chỉ có bà O chăm lo mọi việc từ gia đình, con cái, kinh tế. Ông N cố chấp, không tiếp thu lời khuyên bảo gì của ai mà còn có tính ghen tuông đánh đập bà O nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lớn tiếng, không có tiếng nói chung không còn chăm sóc, quan tâm gì nhau nên hiện nay vợ chồng không hạnh phúc.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông N không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc và dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N đến Tòa án tham gia hòa giải, phiên tòa nhưng ông N không lên, cho thấy ông N không quan tâm và không mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ để xây dựng gia đình cùng nhau chăm sóc con cái. Do đó, lời trình bày cũng như yêu ly hôn của bà O là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà O ông N có 04 con chung tên Trần Thị Yến N1, sinh ngày 12/8/2008, Trần Phi L, sinh ngày 28/7/2010, Trần Phương T, sinh ngày 10/8/2012, Trần Thanh N2, sinh ngày 05/01/2017. Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trần Thị Yến N1, Trần Phương T và tự nguyện giao cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trần Phi L, Trần Thanh N2. Ông N xác định trường hợp ly hôn, ông N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 04 con chung.

Xét thấy, theo biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng con chung, cháu Trần Thị Yến N1, Trần Phương T nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà O. Trần Phi L, Trần Thanh N2 nguyện vọng được sống chung với cha là ông N. Hiện nay, bà O làm buôn bán, kinh doanh online thu nhập hàng khoảng hơn 20 đồng, ông N bán hàng tạp hóa và vá, rửa xe máy thu nhập khoảng 10 triệu đồng nên đều xác định có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, cháu Trần Thị Yến N1, Trần Phương T là con gái và trong tuổi trưởng thành nên cần thiết ở với mẹ để được quan tâm chăm sóc chu đáo về tâm, sinh ly hơn. Cháu Trần Phi L, Trần Thanh N2 là con trai có nguyện vọng mong muốn ở cha nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với tình hình kinh tế của nguyên đơn và bị đơn cũng như tâm, sinh lý của các con chung.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà O, ông N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.6] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoàng O.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị Hoàng O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoàng O đối với bị đơn ông Trần Thiện N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hoàng O được ly hôn với ông Trần Thiện N.

- Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Hoàng O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trần Thị Yến N1, sinh ngày 12/8/2008 và Trần Phương T, sinh ngày 10/8/2012. Giao cho ông Trần Thiện N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trần Phi L, sinh ngày 28/7/2010 và Trần Thanh N2, sinh ngày 05/01/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Hoàng O và ông Trần Thiện N về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Hoàng O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005357 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã V, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cảnh Khang